

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ACB

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ACB

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán của kiểm toán viên độc lập	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B01 – CTQ)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B02 – CTQ)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B03 – CTQ)	9
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu (Mẫu số B05 – CTQ)	10
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B09 – CTQ)	11

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ACB

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy phép thành lập và hoạt động	Số 41/UBCK-GP ngày 28 tháng 10 năm 2008 Số 54/UBCK-GP ngày 2 tháng 12 năm 2009 Số 33/GPĐC-UBCK ngày 25 tháng 10 năm 2013 Số 05/GPĐC-UBCK ngày 9 tháng 2 năm 2015 Số 30/GPĐC-UBCK ngày 3 tháng 12 năm 2015 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.	
Hội đồng Thành viên	Ông Lương Văn Tự Ông Nguyễn Minh Tuấn Bà Nguyễn Ngọc Như Uyên	Chủ tịch hội đồng thành viên Thành viên Thành viên
Người đại diện theo pháp luật	Ông Lương Văn Tự	Chủ tịch hội đồng thành viên
Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Minh Tuấn	
Hoạt động chính	Hoạt động chính của Công ty TNHH Một thành viên Quản Lý Quỹ ACB là lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.	
Trụ sở chính	Lầu 12, Số 480 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	
Kiểm toán viên	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)	

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ACB

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc của Công ty TNHH Một thành viên quản lý quỹ ACB (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định đơn vị hoạt động liên tục là không phù hợp.

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày từ Thuyết minh số 2 đến Thuyết minh số 4 của báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, tôi phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 25. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho công ty quản lý quỹ hoạt động tại Việt Nam.



Nguyễn Minh Tuấn
Tổng Giám đốc

Chữ ký được ủy quyền
TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 27 tháng 2 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC THÀNH VIÊN CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ACB

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên quản lý quỹ ACB (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2017 và được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt ngày 27 tháng 2 năm 2018. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 25.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty quản lý quỹ hoạt động tại Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong các báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho công ty quản lý quỹ hoạt động tại Việt Nam.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại 31 tháng 12 năm 2016 đã được một công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó vào ngày 28 tháng 2 năm 2017.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Nguyễn Hoàng Nam
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0849-2018-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Lê Quang Đạo
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
2845-2017-006-1

Số hiệu báo cáo: HCM6570
TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 2 năm 2018

Như đã nêu trong thuyết minh 3.1 của báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, tình hình biến động vốn chủ sở hữu, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2017 VND	2016 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		52.674.655.690	49.552.824.723
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	5.1	2.452.165.915	1.001.435.984
111	Tiền		652.165.915	201.435.984
112	Các khoản tương đương tiền		1.800.000.000	800.000.000
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5.2	50.103.441.100	48.282.443.100
121	Đầu tư chứng khoán ngắn hạn		52.470.738.500	52.470.738.500
129	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(2.367.297.400)	(4.188.295.400)
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		119.048.675	151.260.555
135	Các khoản phải thu khác	5.3	119.048.675	151.260.555
150	Tài sản ngắn hạn khác		-	117.685.084
154	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	5.6	-	117.685.084
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		-	-
220	Tài sản cố định		-	-
221	Tài sản cố định hữu hình		-	-
222	Nguyên giá		-	25.313.000
223	Giá trị khấu hao lũy kế		-	(25.313.000)
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		52.674.655.690	49.552.824.723

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 25 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2017 VND	2016 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		1.382.631.307	340.445.200
310	Nợ ngắn hạn		1.382.631.307	340.445.200
314	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	5.6	99.028.163	5.393.000
315	Phải trả người lao động	5.4	286.467.700	246.640.000
316	Chi phí phải trả		50.820.000	37.000.000
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	5.5	946.315.444	51.412.200
400	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		51.292.024.383	49.212.379.523
410	Nguồn vốn chủ sở hữu		51.292.024.383	49.212.379.523
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		50.000.000.000	50.000.000.000
418	Quỹ dự phòng tài chính		959.761.358	909.966.055
419	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		332.263.025	282.467.722
420	Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế chưa phân phối		-	(1.980.054.254)
420a	- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước		(1.980.054.254)	-
420b	- Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế chưa phân phối năm nay		1.980.054.254	(1.980.054.254)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		52.674.655.690	49.552.824.723

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 25 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2017 VND	2016 VND
006	Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ		9.104.990.000	9.104.990.000
007	Chứng khoán giao dịch		9.104.990.000	9.104.990.000



Mai Thị Kim Loan
Người lập



Trần Thị Thu Thủy
Kế toán trưởng



Nguyễn Minh Tuấn
Tổng giám đốc
Ngày 27 tháng 2 năm 2018

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 25 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm		
		2017 VND	2016 VND	
01	Doanh thu	5.7	-	807.586.340
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		-	807.586.340
11	Chi phí hoạt động kinh doanh	5.8	-	(275.604.557)
20	Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		-	531.981.783
21	Doanh thu hoạt động tài chính	5.9	3.477.878.487	3.509.189.736
22	Chi phí tài chính	5.10	1.816.566.900	(4.191.208.995)
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.11	(2.069.508.571)	(1.831.183.867)
30	Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		3.224.936.816	(1.981.221.343)
31	Thu nhập khác		-	1.252.650
32	Chi phí khác		-	(85.561)
40	Chi phí khác, thuần		-	1.167.089
50	Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế		3.224.936.816	(1.980.054.254)
51	Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.12	248.976.512	-
52	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp		2.975.960.304	(1.980.054.254)



Mai Thị Kim Loan
Người lập



Trần Thị Thu Thủy
Kế toán trưởng



Nguyễn Minh Tuấn
Tổng giám đốc
Ngày 27 tháng 2 năm 2018

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 25 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ	-	807.586.340
02	Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	(155.221.505)	(299.523.123)
03	Tiền chi trả cho người lao động	(1.834.776.990)	(1.880.826.172)
05	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	(47.693.265)	(120.374.609)
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15.125.680	190.365.388
07	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(36.794.356)	(201.017.823)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(2.059.360.436)	(1.503.789.999)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
23	Tiền chi mua các công cụ nợ	(30.000.000.000)	(102.000.000.000)
24	Tiền thu từ thanh lý các công cụ nợ	30.000.000.000	103.011.865.556
27	Tiền thu từ lãi tiền gửi, cổ tức, trái tức	3.510.090.367	3.655.447.064
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	3.510.090.367	4.667.312.620
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	Lợi nhuận chuyển về công ty mẹ	-	(2.363.159.245)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	-	(2.363.159.245)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	1.450.729.931	800.363.376
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	5.1 1.001.435.984	201.072.608
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5.1 2.452.165.915	1.001.435.984



Mai Thị Kim Loan
Người lập



Trần Thị Thu Thủy
Kế toán trưởng



Nguyễn Minh Tuấn
Tổng giám đốc
Ngày 27 tháng 2 năm 2018

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 25 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ACB

Mẫu số B05 – CTQ

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (lỗ lũy kế) VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	50.000.000.000	909.966.055	282.467.722	2.363.159.245	53.555.593.022
Lỗi trong năm	-	-	-	(1.980.054.254)	(1.980.054.254)
Chuyển lợi nhuận về công ty mẹ	-	-	-	(2.363.159.245)	(2.363.159.245)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	50.000.000.000	909.966.055	282.467.722	(1.980.054.254)	49.212.379.523
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	2.975.960.304	2.975.960.304
Trích lập quỹ (Thuyết minh 4.1)	-	49.795.303	49.795.303	(99.590.606)	-
Chuyển lợi nhuận về công ty mẹ	-	-	-	(896.315.444)	(896.315.444)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	50.000.000.000	959.761.358	332.263.025	-	51.292.024.383



Mai Thị Kim Loan
Người lập



Trần Thị Thu Thủy
Kế toán trưởng



Nguyễn Minh Tuấn
Tổng giám đốc
Ngày 27 tháng 2 năm 2018

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 25 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Quản Lý Quỹ ACB (“Công ty”) được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo giấy phép thành lập và hoạt động số 41/UBCK-GP và giấy phép thành lập và hoạt động điều chỉnh số 54/UBCK-GP do Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 10 năm 2008 và ngày 2 tháng 12 năm 2010.

Ngày 3 tháng 12 năm 2015, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ số 30/GPĐC-UBCK để thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty.

Công ty là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được sở hữu toàn bộ bởi Công ty TNHH Chứng khoán ACB, một công ty được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam.

Hoạt động chính của Công ty là lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 10 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 10 nhân viên).

2 NĂM TÀI CHÍNH. ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đơn vị đồng Việt Nam (“VND”).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty quản lý quỹ đang hoạt động tại Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập dựa theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính, tình hình biến động vốn chủ sở hữu, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

3.2 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba (3) tháng.

4.2 Các khoản đầu tư

(a) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán do Công ty nắm giữ cho mục đích kinh doanh và được nắm giữ chủ yếu cho mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh được lập khi giá gốc cao hơn giá trị thị trường của các khoản chứng khoán kinh doanh này.

Lãi và lỗ từ việc thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền cho từng mã chứng khoán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.2 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được.

4.3 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

4.4 Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

4.5 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.6 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(a) Doanh thu hoạt động nghiệp vụ và cung cấp dịch vụ khác

Doanh thu từ hoạt động ủy thác đầu tư

Doanh thu từ hoạt động ủy thác đầu tư được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp cho khách hàng.

(b) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp dự thu lãi trừ khi khả năng thu hồi là không chắc chắn.

4.7 Chi phí hoạt động kinh doanh

Chi phí hoạt động kinh doanh là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí phát sinh khi mua các khoản đầu tư được cộng vào giá vốn của các khoản đầu tư đó.

4.8 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.9 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của Bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

4.10 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt như giám đốc của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.11 Trích lập các quỹ

Quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi bù đắp lỗ năm trước. Theo Thông tư 146/2014/TT-BTC ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014. Hằng năm Công ty phải trích lập cho mỗi quỹ ở mức 5% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty cho đến khi mỗi quỹ này đạt 10% vốn điều lệ của Công ty. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được ghi nhận vào Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

4.12 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2011 hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ không được thể hiện trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH

5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2017 VND	2016 VND
Tiền mặt tại quỹ	3.116.505	9.704.493
Tiền gửi ngân hàng	649.049.410	191.731.491
Các khoản tương đương tiền (*)	1.800.000.000	800.000.000
	<u>2.452.165.915</u>	<u>1.001.435.984</u>

(*) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi tại ngân hàng có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

(a) Chứng khoán kinh doanh

	2017			2016		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Dự phòng VND
Cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom Công ty cổ phần Cảng Sài Gòn (SGP)	10.470.738.500	8.103.441.100	(2.367.297.400)	10.470.738.500	6.282.443.100	(4.188.295.400)

(*) Giá trị hợp lý của cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn được xác định dựa trên giá đóng cửa của cổ phần niêm yết trên sàn giao dịch UpCom tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày báo cáo. Giá trị hợp lý của một cổ phiếu Cảng Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 8.900 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 6.900 đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, số lượng cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn mà Công ty đang nắm giữ là 910.499 cổ phiếu (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 910.499 cổ phiếu).

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	2017		2016	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi số VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi số VND
Tiền gửi có kỳ hạn	12.000.000.000	12.000.000.000	42.000.000.000	42.000.000.000
Trái phiếu (Thuyết minh 7(b))	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-
	<u>42.000.000.000</u>	<u>42.000.000.000</u>	<u>42.000.000.000</u>	<u>42.000.000.000</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	2017 VND	2016 VND
Lãi trích trước (Thuyết minh 7(b))	119.048.675	151.260.555

5.4 PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

	2017 VND	2016 VND
Lương, thưởng phải trả	286.467.700	246.640.000

5.5 CHI PHÍ PHẢI TRẢ KHÁC

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận chuyển về công ty mẹ (Thuyết minh 7(b))	896.315.444	-
Đặt cọc của khách hàng	50.000.000	50.000.000
Chi phí khác	-	1.412.200
	<u>946.315.444</u>	<u>51.412.200</u>

5.6 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	2017 VND	2016 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	83.598.163	-
Thuế thu nhập cá nhân	15.430.000	5.393.000
	<u>99.028.163</u>	<u>5.393.000</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.6 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

Tình hình biến động trong năm của thuế và các khoản khác phải nộp ngân sách Nhà nước như sau:

	Tại ngày 1.1. 2017 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Tại ngày 31.12.2017 VND
Thuế TNDN hiện hành (*)	(117.685.084)	248.976.512	(47.693.265)	83.598.163
Thuế thu nhập cá nhân	5.393.000	55.126.680	(45.089.680)	15.430.000

(*) Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 thể hiện khoản nộp thuế thu nhập doanh nghiệp dư hiện đang được ghi nhận vào chỉ tiêu “Các khoản thuế phải thu khác” – Mã số 154 trên bảng cân đối kế toán.

5.7 DOANH THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	2017 VND	2016 VND
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	-	807.586.340

5.8 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Toàn bộ chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ là các chi phí phát sinh cho hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân viên	-	136.934.529
Chi phí chuyển nhượng cổ phiếu	-	82.586.340
Các chi phí khác	-	56.083.688
	-	275.604.557

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.9 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2017 VND	2016 VND
Lãi tiền gửi	2.057.604.515	2.072.477.408
Lãi trái phiếu (Thuyết minh 7(a))	1.420.273.972	1.436.712.328
	<u>3.477.878.487</u>	<u>3.509.189.736</u>

5.10 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2017 VND	2016 VND
(Hoàn nhập dự phòng)/dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(1.820.998.000)	4.188.295.400
Phí lưu ký	4.431.100	2.913.595
	<u>(1.816.566.900)</u>	<u>4.191.208.995</u>

5.11 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân viên	1.870.116.010	1.619.126.643
Chi phí văn phòng	64.384.766	135.331.622
Chi phí khác	135.007.795	76.725.602
	<u>2.069.508.571</u>	<u>1.831.183.867</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.12 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất áp dụng như sau:

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	3.224.936.816	(1.980.054.254)
Thuế tính ở thuế suất áp dụng 20%	644.987.363	(396.010.851)
Điều chỉnh:		
Lỗ tính thuế đã được sử dụng	(396.010.851)	-
Lỗ tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	396.010.851
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>248.976.512</u>	<u>-</u>
Thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh		
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện hành	248.976.512	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hoãn lại	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>248.976.512</u>	<u>-</u>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính được tính dựa vào thu nhập chịu thuế ước tính và tùy thuộc vào sự kiểm tra và có thể có những điều chỉnh của cơ quan thuế.

6 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có nguy cơ gặp các rủi ro từ các công cụ tài chính như sau:

- Rủi ro thị trường;
- Rủi ro tín dụng; và
- Rủi ro thanh khoản

Tổng Giám đốc của Công ty có trách nhiệm đặt ra mục tiêu và những quy tắc cơ bản về quản trị rủi ro tài chính cho Công ty. Tổng Giám đốc xác lập những chính sách chi tiết ví dụ như xác định rủi ro và đo lường rủi ro, giới hạn đầu tư và chiến lược đầu tư, Quản trị rủi ro tài chính được thực hiện bởi nhân sự tài chính.

Nhân sự tài chính đo lường thực tế đầu tư với giới hạn đầu tư đã được đặt ra và chuẩn bị báo cáo định kỳ cho Tổng Giám đốc xem xét. Những thông tin sau đây được dựa trên những thông tin từ Tổng Giám đốc.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

6 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà lợi nhuận của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính do Công ty nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng do những thay đổi của giá trị thị trường như thay đổi về lãi suất, tỷ giá hối đoái và giá thị trường.

(i) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Công ty bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Công ty không bị ảnh hưởng bởi rủi ro tiền tệ do các tài sản và các khoản nợ của Công ty là có gốc tiền tệ là tiền đồng Việt Nam cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

(ii) Rủi ro giá

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số chứng khoán và giá trị của từng loại chứng khoán.

Công ty đầu tư vào chứng khoán chưa niêm yết mà các chứng khoán này sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được qui định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, nếu giá các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết tăng/giảm 10% (31.12.2016: tăng/giảm 10%) trong khi tất cả các biến số khác, kể cả thuế suất giữ nguyên không đổi, thì giá trị tài sản ròng của Công ty sẽ cao hơn/thấp hơn 1.047.073.850 đồng (31.12.2016: cao hơn/thấp hơn 1.047.073.850 đồng) tương ứng.

(iii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty không phải chịu rủi ro về lãi suất vì Công ty không có bất cứ khoản vay nào và tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn và đầu tư ngắn hạn của Công ty có lãi suất cố định.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

6 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Công ty. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu.

Tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn được gửi tại các tổ chức tín dụng mà Công ty cho là sẽ không có bất kỳ khoản tổn thất nào phát sinh từ việc các tổ chức tín dụng này hoạt động không hiệu quả.

Các khoản phải thu bao gồm các khoản thu lãi tiền gửi và trái tức từ các công ty thuộc bên liên quan. Công ty tin rằng không cần thiết phải lập dự phòng cho các khoản nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa mà Công ty có thể gặp phải bằng với giá trị ghi sổ của tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có khoản nợ tài chính bao gồm các khoản ngắn hạn với số tiền là 486.315.863 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 340.445.200 đồng) là dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu có thời hạn ít hơn một năm.

7 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty được kiểm soát bởi Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán ACB (“Công ty mẹ”) nắm giữ 100% vốn điều lệ của Công ty. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu là Ngân hàng mẹ tối hậu của Công ty.

(a) Nghiệp vụ với các bên liên quan

Trong năm, các nghiệp vụ sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	2017 VND	2016 VND
<i>i) Mua dịch vụ</i>		
Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán ACB	4.431.100	2.913.595
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	758.000	520.000
	<u> </u>	<u> </u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

7 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

	2017 VND	2016 VND
ii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương và các quyền lợi gộp khác	485.387.570	430.411.500
iii) Doanh thu từ đầu tư tài chính ngắn hạn		
Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán ACB (Thuyết minh 5.9)	1.420.273.972	1.436.712.328
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	2.057.586.035	2.072.424.519
iv) Đầu tư tài chính ngắn hạn (Thuyết minh 5.2)		
Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán ACB	30.000.000.000	30.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	1.800.000.000	78.350.000.000
v) Tài khoản tiền gửi không kỳ hạn		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	34.325.197.567	113.049.038.779
vi) Lợi nhuận chuyển về công ty mẹ		
Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán ACB	896.315.444	2.363.159.245

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017****7 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)****(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan**

	2017 VND	2016 VND
Các khoản phải thu khác (Thuyết minh 5.3)		
Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán ACB	66.575.342	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	52.473.333	151.260.555
	<u>66.575.342</u>	<u>151.260.555</u>
Tài khoản tiền gửi không kỳ hạn		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	643.044.675	185.569.236
	<u>643.044.675</u>	<u>185.569.236</u>
Đầu tư tài chính ngắn hạn (Thuyết minh 5.2)		
Trái phiếu nắm giữ tới ngày đáo hạn của Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán ACB	30.000.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	13.800.000.000	42.800.000.000
	<u>43.800.000.000</u>	<u>42.800.000.000</u>
Các khoản phải trả khác (Thuyết minh 5.5)		
Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán ACB	896.315.444	-
	<u>896.315.444</u>	<u>-</u>

Báo cáo tài chính đã được Tổng Giám đốc của Công ty phê duyệt ngày 27 tháng 2 năm 2018.



Mai Thị Kim Loan
Người lập



Trần Thị Thu Thủy
Kế toán trưởng



Nguyễn Minh Tuấn
Tổng giám đốc